

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NGHỀ CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐINH HIỀN MINH\*

Ngày nhận bài: 07/07/2016; ngày sửa chữa: 10/07/2016; ngày duyệt đăng: 20/07/2016.

**Abstract:** Training professional skills for preschool teachers plays an important role in improving the quality of preschool education. The article proposes some measures to improve the quality of vocational skills training for preschool teachers to meet requirements of education reform.

**Keywords:** Professional skills, preschool teachers.

**G**iao dục mầm non (GDMN) là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển con người, đặt nền tảng cho sự phát triển thể chất, tình cảm, nhận thức, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1. Trong quá trình giáo dục trẻ, giáo viên giữ một vị trí rất quan trọng, là lực lượng nòng cốt biến mục tiêu giáo dục thành hiện thực, giữ vai trò quyết định chất lượng và hiệu quả giáo dục, là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của cuộc đổi mới giáo dục. Vì vậy, để nâng cao chất lượng của bậc học mầm non rất cần đội ngũ giáo viên có chuyên môn sâu, có kĩ năng (KN) đáp ứng với công tác giảng dạy và các yêu cầu đổi mới, tâm huyết với nghề, yêu trẻ để có thể giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách.

Vậy giáo viên mầm non (GVMN) cần phải rèn luyện những KN gì để có thể tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục?

## 1. KN nghề của giáo viên mầm non

Theo nghiên cứu của các nhà giáo dục, KN được hiểu là khả năng thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. KN không những là kĩ thuật hành động, mà còn là biểu hiện năng lực của con người. KN cũng có thể hiểu là năng lực hay khả năng của chủ thể thực hiện thuần thục một hay một chuỗi hành động trên cơ sở hiểu biết (kiến thức hoặc kinh nghiệm) nhằm tạo ra kết quả mong đợi.

Có nhiều cách đề cập đến KN nghề nghiệp của GVMN. Theo chuẩn nghề nghiệp GVMN, KN nghề của GVMN gồm các nhóm KN cơ bản sau đây: - KN xây dựng kế hoạch CS-GD trẻ; - KN tổ chức thực hiện các hoạt động CS-GD; - KN quản lí lớp học;

- KN giao tiếp ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

Ngoài những nhóm KN nêu trên, một số tác giả còn đề cập tới các KN đặc thù trong hoạt động sư phạm của GVMN như KN đàn, hát, múa, kể chuyện, làm đồ dùng, đồ chơi; trong xu thế phát triển của xã hội hiện nay, KN ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ ở một trình độ nhất định cũng được nhiều tác giả đặt ra cho GVMN. GVMN không những cần rèn luyện cho mình những KN hoạt động nghề nghiệp, mà quan trọng là phải biết sử dụng chúng một cách linh hoạt, khéo léo phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giáo dục nhất định. Đặc biệt, việc triển khai chương trình GDMN hiện hành lại càng đòi hỏi ở giáo viên sự linh hoạt, năng động và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ.

Chúng ta đã biết, chương trình GDMN hiện hành được thiết kế có tính "mở", dựa vào chương trình, giáo viên căn cứ vào đặc điểm trẻ và điều kiện thực tiễn để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ cho phù hợp. Điều này giúp giáo viên phát huy được tính sáng tạo, năng động trong việc thiết kế và tổ chức các hoạt động nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển của trẻ, song đây cũng là thách thức đối với những giáo viên quen làm theo mẫu và chỉ dẫn có sẵn, tư duy theo lối kinh nghiệm.

Chương trình GDMN hiện hành được xây dựng theo quan điểm tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm. Giáo viên dựa vào hứng thú, nhu cầu và khả năng của trẻ để xây dựng kế hoạch, thiết kế môi trường cho trẻ hoạt động; trong quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ, vấn đề giáo viên cần quan tâm không chỉ là "trẻ học được cái gì" mà quan trọng là "trẻ học như thế nào" và làm sao cho trẻ tích cực tham gia các trải nghiệm, phát triển tính chủ động và sáng tạo của bản thân. Để

\* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang

thực hiện tốt chương trình GDMN hiện hành, GVMN rất cần rèn luyện KN quan sát. Ông quan sát sẽ giúp giáo viên kịp thời phát hiện, thu thập, xử lý thông tin và trên cơ sở đó đề xuất các tác động thích hợp.

KN đánh giá sự phát triển trẻ cũng là một trong những KN cần thiết đối với hoạt động nghề nghiệp của GVMN. Có đánh giá được sự phát triển của trẻ, giáo viên mới có thể xây dựng được kế hoạch giáo dục, lựa chọn các tác động phù hợp, giúp trẻ đạt được những tiến bộ mới.

Có thể khẳng định: Tri thức, KN nghề nghiệp chính là những công cụ lao động hữu hiệu của GVMN; Chất lượng rèn luyện các KN nghề của GVMN có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của hoạt động CS-GD trẻ, giúp GVMN nhận thức sâu sắc yêu cầu của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp. Những KN sư phạm cần thiết cho công tác CS-GD trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và tổ chức hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho GVMN một cách hiệu quả là điều mà các cơ sở đào tạo GVMN, các cấp quản lý GDMN cần đặc biệt quan tâm.

## **2. Quá trình hình thành KN nghề nghiệp của GVMN**

KN nghề nghiệp của GVMN được hình thành trong quá trình đào tạo chuyên ngành tại các trường, khoa sư phạm đào tạo GVMN và trong quá trình công tác tại các cơ sở CS-GD trẻ mầm non. Tại trường sư phạm, GVMN tương lai được trang bị các kiến thức, KN cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp theo chương trình được Bộ GD-ĐT ban hành phù hợp với trình độ đào tạo.

Quá trình đào tạo tại trường, GVMN tương lai không chỉ được trang bị các tri thức lí luận mà còn được thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thông qua các hình thức phong phú đa dạng, được tiếp xúc và thực hành KN sư phạm trong môi trường thực tiễn của nghề nghiệp tương lai qua các đợt kiến tập khác nhau. Những phẩm chất đạo đức, kiến thức, KN nghề được trang bị tại trường sư phạm là hành trang ban đầu cho giáo viên bước vào hoạt động CS-GD trẻ tại các cơ sở GDMN. Tại đây, quá trình trau dồi tri thức, rèn luyện năng lực nghề nghiệp lại được tiếp tục trong môi trường sống động của thực tiễn.

Hiệu quả của việc hình thành, rèn luyện và phát triển năng lực nghề nghiệp của GVMN sẽ được nâng cao khi có sự gắn kết chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất, khoa học giữa đào tạo tại trường sư phạm và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp tại các cơ sở CS-GD trẻ; có sự kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên và tự đào tạo, tự bồi dưỡng; có sự tác động

đồng bộ và cộng tác giữa các lực lượng tham gia vào quá trình hình thành, rèn luyện năng lực nghề nghiệp cho GVMN.

Trong giai đoạn phát triển 2015-2020, để thực hiện được mục tiêu đổi mới GD-ĐT nói chung, GDMN nói riêng, chúng tôi thiết nghĩ việc tiếp tục nghiên cứu, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau, từ việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá người học trong trường, khoa sư phạm, cải tiến phương thức phối hợp giữa trường sư phạm với các cấp quản lí giáo dục, các cơ sở giáo dục trong đào tạo nghề cho GVMN, tăng cường trang bị cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng viên phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GVMN đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội là việc làm cần thiết. Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

## **3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng rèn luyện KN nghề cho GVMN**

### **3.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ giảng viên trường sư phạm và cán bộ quản lí, GVMN tại các cơ sở GDMN về những yêu cầu đổi mới GDMN trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế**

Sự phát triển của xã hội đang đặt ra những yêu cầu mới đối với GDMN, đối với phẩm chất đạo đức, kiến thức và KN nghề nghiệp của GVMN nhằm hình thành được nền tảng ban đầu trong sự phát triển nhân cách trẻ mầm non - những trẻ em phát triển hài hòa các lĩnh vực, tích cực, chủ động và sáng tạo.

Để đáp ứng được yêu cầu đổi mới GDMN, GVMN không chỉ cần lòng yêu nghề, yêu trẻ, cần cù, tận tụy, kiên nhẫn, biết kiềm chế, mà rất cần có sự nhạy bén, tư duy linh hoạt, sáng tạo. Về mặt KN, ngoài các KN nghề nghiệp cơ bản như KN xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động CS-GD trẻ, KN quản lí nhóm lớp, giao tiếp với trẻ, với đồng nghiệp, với gia đình, cộng đồng, trong bối cảnh phát triển xã hội hiện nay, việc trau dồi các KN tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp, KN hợp tác, KN quan sát, đánh giá sự phát triển của trẻ, KN khai thác ứng dụng công nghệ thông tin, KN ngoại ngữ lại càng trở nên cấp thiết.

Việc nhận thức đúng đắn và sâu sắc đòi hỏi của xã hội đối với phẩm chất và năng lực GVMN sẽ giúp các cơ sở đào tạo, các cấp quản lí GDMN và bản thân GVMN định hướng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng thích hợp.

### **3.2. Triển khai đồng bộ việc đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học**

### ***theo định hướng phát triển năng lực người học trong các cơ sở đào tạo GVMN***

Đổi mới đồng bộ mạnh mẽ các yếu tố cơ bản của GD-ĐT theo hướng coi trọng năng lực, phẩm chất của người học là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu của công cuộc đổi mới GD-ĐT để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Thiết kế chương trình theo năng lực cần xác định hệ thống các năng lực trang bị và phát triển cho người học, bao gồm năng lực chung và năng lực cụ thể, chuyên biệt.

Tự học, tự nghiên cứu có vai trò to lớn đối với bản thân người học và chất lượng, hiệu quả của quá trình dạy học - đào tạo trong nhà trường, là phương pháp cơ bản để lĩnh hội tri thức. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, năng lực học tập suốt đời của người học là nhiệm vụ quan trọng đồng thời cũng là mục tiêu hướng tới đổi mới phương pháp dạy và học trong nhà trường.

Trang bị các KN nghề cho người học là cần thiết song chưa đủ bởi trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống, các KN nhạy bén trong xử lý công việc, KN hợp tác, chia sẻ, KN ứng phó với các tình huống trong cuộc sống... đóng vai trò quan trọng giúp nâng cao hiệu quả công việc. Ngoài các KN nghề nghiệp, cơ sở đào tạo GVMN cần quan tâm rèn luyện các KN mềm cho người học.

### ***3.3. Tăng cường quan hệ cộng tác, gắn kết giữa trường sư phạm và các cơ sở GDMN trong hoạt động đào tạo, rèn luyện KN nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành GDMN-GVMN tương lai***

Chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phụ thuộc vào sự gắn kết giữa công tác đào tạo và nhu cầu thực tế sử dụng nguồn nhân lực. Đào tạo trong trường sư phạm phải chú trọng gắn liền với thực tiễn giáo dục, bởi đào tạo bất hợp lý, thiếu sự gắn kết giữa đào tạo và sử dụng thì chất lượng đào tạo không đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Đào tạo trong trường sư phạm phải đáp ứng yêu cầu xã hội về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ đất nước, phục vụ địa phương.

Trường sư phạm là nơi đào tạo, các cơ sở GDMN vừa là nơi đặt hàng, vừa là nơi tham gia đào tạo và sử dụng sản phẩm đào tạo. Chất lượng đào tạo thể hiện qua đánh giá của các cơ sở GDMN, cơ sở GDMN không đứng ngoài quá trình đào tạo, rèn luyện tay nghề cho sinh viên các trường sư phạm. Mối quan hệ gắn kết giữa trường sư phạm - cơ sở GDMN thể hiện qua nhiều hoạt động: Xây dựng, góp ý về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngành đào tạo; hướng

dẫn các hoạt động kiến, thực tập, đánh giá sản phẩm đào tạo... Vì vậy, cần chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác, cộng đồng trách nhiệm trong việc đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội.

### ***3.4. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa trường sư phạm và các cấp quản lý GDMN trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên KN nghề nghiệp cho đội ngũ GVMN***

Tri thức, KN hoạt động nghề nghiệp mà sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành GDMN nhận được trong quá trình đào tạo tại trường sư phạm là nền tảng quan trọng giúp sinh viên thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Song để đáp ứng với yêu cầu phát triển không ngừng của xã hội, GVMN phải không ngừng trau dồi tự học, tự rèn luyện kết hợp với tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật tri thức khoa học về ngành học.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GVMN của các cơ sở GDMN sẽ đạt hiệu quả cao nếu được xây dựng và triển khai một cách có hệ thống, đảm bảo tính khoa học, phù hợp điều kiện thực tiễn, nhu cầu, năng lực của người được bồi dưỡng. Đặc biệt, hiệu quả hoạt động bồi dưỡng GVMN phụ thuộc không nhỏ vào chất lượng đội ngũ chuyên gia, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa trường sư phạm với các sở, phòng, cơ sở GDMN một mặt giúp giảng viên trường sư phạm am hiểu sâu hơn về thực tiễn GDMN, giúp cho hoạt động đào tạo tại trường sư phạm gắn liền hơn với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Mặt khác, cơ sở GDMN cũng có điều kiện cập nhật các tri thức khoa học, hiện đại về GDMN.

### ***3.5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò GDMN và nghề GVMN***

Quá trình CS-GD trẻ ở lứa tuổi mầm non mang đặc tính xã hội cao. Để tạo điều kiện cho trẻ phát triển toàn diện, GDMN cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tăng cường sự liên kết và thống nhất giữa trường mầm non với phụ huynh trẻ và cộng đồng. Thái độ cảm thông, cộng đồng trách nhiệm của gia đình và các lực lượng xã hội là yếu tố giúp giảm bớt áp lực, căng thẳng cho GVMN trong hoạt động nghề nghiệp, là nguồn động viên, khích lệ họ nỗ lực rèn luyện tay nghề, cống hiến công sức cho hoạt động CS-GD thế hệ trẻ. Các trường mầm non cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho phụ huynh, cộng đồng về vai trò của GDMN và nghề GVMN để có sự phối hợp trong

công tác CS-GD trẻ, giúp cho công tác CS-GD trẻ đạt hiệu quả cao.

### 3.6. Nghiên cứu cải tiến các chế độ chính sách đối với GVMN

Các cấp quản lý cần quan tâm nghiên cứu chế độ chính sách đối với GVMN, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhằm giúp họ yên tâm công tác, phát huy năng lực trong công tác CS-GD trẻ mầm non.

\*\*\*

Rèn luyện KN nghề giữ vai trò rất quan trọng đối với giáo viên, thực hiện tốt các KN nghề chính là yếu tố cơ bản để đảm bảo cũng như nâng cao chất lượng CS-GD trẻ mầm non. Tại trường sư phạm phải hình thành và rèn luyện KN nghề cho sinh viên, tại các cơ sở GDMN cần có các biện pháp tra dồi, phát triển KN nghề cho giáo viên. Đội ngũ giáo viên phải luôn giữ vị trí nòng cốt trong quá trình giáo dục, nhạy bén trước những yêu cầu đổi mới GD-ĐT. Vì vậy, để nâng cao chất lượng GDMN phù hợp với yêu cầu đổi mới trước tiên cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ

GVMN, chú trọng rèn luyện KN nghề cũng như đạo đức và phẩm chất của giáo viên, không ngừng cải tiến, đổi mới nhằm đáp ứng đòi hỏi ngày một cao của GD-ĐT. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Lam Hồng (2012). *Nghề giáo viên mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Trần Thị Quốc Minh (2006). *Tâm lý học hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ GD-ĐT ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [5] Thủ tướng Chính phủ. *Nghị quyết số 44-NQ/CP ngày 9/6/2014*.

## Nâng cao Kỹ năng thực hành...

(Tiếp theo trang 23)

nguyên tắc: - Việc xây dựng các biện pháp hình thành KN thực hành nghiệp vụ cho HS, SV góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo GVMN nói chung, mục tiêu môn học nói riêng; - Các biện pháp cần xây dựng phù hợp với đặc thù của các học phần Phương pháp; - Việc hình thành KN thực hành nghiệp vụ cần được bắt đầu hình thành ngay từ khi giảng dạy lý thuyết và được duy trì, củng cố trong suốt quá trình thực hành môn học; - Việc hình thành KN thực hành nghiệp vụ cho HS, SV phụ thuộc vào các điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và cần được thực hiện trong sự phối hợp thống nhất giữa GV thuộc Tổ GDMN, GVMN và HS, SV. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đình Chính (1996). *Thực tập sư phạm*. NXB Giáo dục.
- [2] Lê Xuân Hồng - Lê Thị Khang - Hồ Lai Châu - Hoàng Mai (2000). *Những kỹ năng sư phạm mầm non*. NXB Giáo dục.
- [3] Ngô Công Hoàn (1996). *Vài nét về quy trình rèn luyện tay nghề cho sinh viên Khoa Giáo dục mầm non - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nghiên cứu khoa học công nghệ Giáo dục mầm non”.
- [4] Nguyễn Ánh Tuyết (1999). *Tâm lý học trẻ em*. NXB Giáo dục.

## So sánh nội dung mạch kiến thức...

(Tiếp theo trang 4)

nghĩ sáng tạo quyết vấn đề, mô hình hóa toán học thông qua các tình huống thực tiễn, thấy được những ứng dụng to lớn của toán học và nuôi dưỡng lòng yêu thích môn *Toán* của HS. Đặc biệt, chương trình phải tính đến sự phát triển của khoa học công nghệ và sự “bùng nổ thông tin”. Vì vậy, giáo viên cần thiết kế nội dung dạy học, lựa chọn phương pháp dạy học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo và phương pháp đánh giá nhằm hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất cần thiết, những năng lực chung và năng lực toán học phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2008). *Toán 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục.
- [2] Teppo, Anne, “Van Hiele Levels of Geometric Thought Revisited”, *Mathematics Teacher*, March 1991, p. 210-221.
- [3] Mary L. Crowley (1987). *The Van Hiele Model of the Development of Geometric Thought in Learning and Teaching Geometry*. K-12, ed. Mary M. Lindquist (Reston, Va.: National Council of Teachers of Mathematics, 1987), p. 1-16.
- [4] Jaguthsing Dindyal (2010). *The need for an Inclusive Framework for Students’ thinking in School - Geometry*. National Institute of Education Nanyang Technological University, Singapore TMME, vol 4.